

TỪ CHỦ TRƯỞNG ĐẾN GIẢI PHÁP QUÂN ĐIỀN NĂM 1839 Ở BÌNH ĐỊNH

(Tiếp theo và hết)

PHAN PHƯƠNG THẢO*

II. CÁCH CẮT RUỘNG TƯ SUNG LÀM RUỘNG CÔNG

Trong phần I đã chứng minh rằng quân điền sung công một nửa ruộng tư của tất cả các chủ sở hữu ruộng trong các thôn/ấp thuộc diện quân điền, không phân biệt đây là sở hữu lớn hay nhỏ, chính canh hay phụ canh, nam hay nữ. Tuy nhiên, quân điền lại không nói rõ cách thức cụ thể trong việc sung công ruộng tư ở các thôn/ấp. Kết hợp nguồn tư liệu trong địa bạ Minh Mệnh về các thửa ruộng tư sau khi được sung công về diện tích, giáp giới bốn phía, so sánh với giáp giới của các đám ruộng này trong địa bạ Gia Long, và đặc biệt là kết hợp với nguồn tư liệu điền dã, cho thấy, việc thực hiện quân điền trên thực tế ở từng thôn/ấp của Bình Định rất đa dạng, phong phú, phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của từng thôn/ấp, mỗi nơi có cách làm khác nhau, miễn sao có thể đáp ứng được chủ trương chung của Minh Mệnh đề ra là sung công một nửa tư điền. Ở đây, chúng tôi xin nêu ra một vài cách chia ruộng đã được áp dụng ở các thôn/ấp trong số 24 thôn/ấp lựa chọn nghiên cứu:

- Đối với thôn vốn có quan điền, nay gộp cùng với tư điền sung làm công điền, thí dụ như Kiên Mỹ thì trên cơ sở phần ruộng

quan điền vốn có sẵn, mở rộng ra xung quanh, kết hợp với những thửa ruộng tư giáp giới, tạo thành phần công điền của thôn sao cho đủ diện tích theo định mức đã đề ra (có thể xem cụ thể hơn về những đám ruộng công điền qua miêu tả trong địa bạ Kiên Mỹ ở phần Phụ lục).

- Đối với một số thôn khác, thí dụ Kim Trì, theo lời kể của cụ Võ Cao Liêm (xóm Trì Sung, thôn Kim Tây, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước), việc sung công, chiết cấp tư điền đời Minh Mệnh được ông, cha cụ kể lại rằng: trước quân điền, Kim Trì không có ruộng công, toàn bộ ruộng của cả thôn là tư điền, nên khi quân điền, lấy đường mương ở giữa thôn là con đường đi qua Gò Chòi (nơi dùng để phơi lúa mới gặt ở giữa cánh đồng) làm vạch ranh giới, cắt đôi toàn bộ ruộng của thôn, phía bên trái đường mương là phần công điền, còn bên phải đường mương là tư điền. Đường mương được dùng làm đường phân cách hai khu công điền và tư điền của Kim Trì. Hiện nay đường mương này vẫn còn trên bản đồ và chúng tôi cũng đến tận nơi để khảo sát (có thể xem cụ thể vị trí đường mương này trong bản đồ Kim Trì).

- Lại cũng có nơi, như thôn Châu Thành, huyện An Nhơn, nay thuộc xã Nhơn

* TS. Khoa Lịch sử. ĐHKHXH&NV. ĐHQGHN.

Thành, việc chia ruộng theo phép quân điền diễn ra hoàn toàn khác với hai thôn trên. Kết hợp lời kể của cụ Trần Đình Vinh (71 tuổi) ở đội 9, xóm Tây thuộc thôn Châu Thành cùng một số tư liệu về ruộng đất của chính dòng họ Trần này (hiện nay các tư liệu do bà Phan Thị Biển 82 tuổi, là vợ ông Trần Cát, anh trưởng của ông Trần Đình Vinh, đã chết, sống ở thôn Châu Thành, đang lưu giữ), có thể hình dung được cách chia ruộng ở Châu Thành khi xưa như sau: tất cả các chủ ruộng tư trong thôn đều phải chiết cấp một nửa số ruộng của mình sung làm ruộng công. Tuy vậy, khi sung công chiết cấp, họ cất nộp những đám ruộng xa nơi ở, giữ lại ruộng gần mà theo lời kể của các cụ già địa phương, đến nay trong dân gian vẫn còn lưu truyền câu nói về cách chia ruộng đó là “chiết cấp ruộng xa và xấu, giữ lại ruộng gần và tốt”. Như vậy, ở Châu Thành vị trí gần, xa của các thửa ruộng so với nơi ở của chủ ruộng là cơ sở để lựa chọn thửa ruộng nào nên giữ lại, thửa nào sung làm công điền.

- Theo lời kể của cụ Võ Chiêu (82 tuổi, hiện sống ở đội 15, xóm Tân Hoà, thôn An Ngãi, xã Nhơn Hưng, huyện An Nhơn) thì cách chiết cấp tư điền sung công của An Ngãi khi xưa lại khác 3 cách nêu trên. ở An Ngãi vẫn còn lưu truyền trong dân gian rằng phép quân điền thời Minh Mệnh là “nhất bán vi công, nhất bán vi tư” và tất cả các thửa ruộng, có tính tới đẳng hạng, đều bị cắt đôi để một nửa sung công. Như vậy, sau quân điền, ruộng công và tư trong thôn nằm xen kẽ nhau, rất tản mạn, manh mún. Vì vậy, để thuận tiện cho việc canh tác và đi lại của các chủ sở hữu ruộng tư, sau quân điền đã có hiện tượng xáo canh, tức là nội bộ những người trong thôn có thể trao đổi với nhau quyền sở hữu các đám ruộng tương đương về diện tích và đẳng hạng.

III. CÁCH CHIA RUỘNG CÔNG VÀ HỆ QUẢ CỦA NÓ Ở BÌNH ĐỊNH

1. Cách chia ruộng công theo lương điền, khẩu phần

Phép quân điền 1839 của Minh Mệnh chỉ thực hiện ở tỉnh Bình Định với mục đích trước tiên, quan trọng nhất là quân bình lại tỷ lệ ruộng công và tư trong toàn tỉnh, sau đó mới là chia ruộng công cho quan lại, binh, dân theo khẩu phần. Mục tiêu thứ nhất đã được thực hiện, còn mục tiêu thứ hai chưa có các định lệ cụ thể về việc quân cấp ruộng công. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết, sau quân điền, Minh Mệnh truyền dụ nội các rằng “Nay sổ sách đã xong, khá truyền dụ cho Tổng đốc Tôn Thất Lang sức khắp cho dân hạt, phạm những ruộng tư cắt lấy một nửa sung công, tháng đông này hãy chuẩn cho chủ ruộng cũ được cày cấy, chờ vụ hạ sang năm thu hoạch xong, liền chiếu theo điền thổ công, tư trong sổ mới, quân cấp cho mọi người cày cấy nộp thuế” (14). Như vậy, trên thực tế, quân điền đã hoàn thành nhưng chỉ mới hoàn tất trên sổ sách, trong đó có địa bạ, ghi lại những thay đổi về ruộng công và tư sau khi sung công một nửa tư điền, song trên thực tế, vẫn cho chủ cũ tiếp tục cày cấy trên phần ruộng đã bị sung công trong vụ đông năm đó (1839), cho đến sau khi thu hoạch xong vụ hè năm sau (1840), mới quân cấp cho mọi người (15). Đồng thời, tháng 6 năm 1840, Minh Mệnh ban hành phép quân điền mới, qui định khẩu phần cụ thể trong việc quân cấp ruộng đất công cho các hạng binh, dân, áp dụng trong cả nước, kể cả Bình Định. Vì vậy, có thể hiểu rằng quân điền 1839 tiến hành rất nhanh chóng trong vòng ba tháng cuối năm 1839 nên chỉ kịp sung công 1/2 tư điền làm công điền, lập địa bạ mới, còn việc chia cấp công điền cho các hạng quan lại, binh, dân thì

trên thực tế phải tới giữa năm 1840 mới thực hiện được theo qui định chung của quân điền 1840 đối với ruộng đất công trong cả nước.

Phép quân điền 1840 nêu rõ, ruộng đất công trước tiên dành cấp lương điền cho lính theo mức quân cấp như năm Minh Mệnh 17 (1836) đã ban hành, còn lại mới chia cho “quan lại, binh thợ, các hạng dân thực nạp, biệt nạp không cứ phẩm trật hơn kém, mỗi người đều được cấp cho một phần khẩu phần. Lão nhiều, lão hạng, phé tạt, đốc tạt đều chiếu số một phần ấy chia làm 2 thành, cấp cho mỗi người 1 thành; con mồ côi, đàn bà góa đều chiếu số một phần ấy chia làm 3 thành, mỗi người cấp cho 1 thành...” (16).

Theo định lệ chia khẩu phần làm lương điền cho lính vào tháng 11 năm 1836 (Minh Mệnh 17) thì “... việc quân cấp số ruộng, xin cứ tùy theo sự sai phải công việc nhiều hay ít mà có khác nhau:

a. Nên cấp cho mỗi người: khẩu phần 8 phân, lương điền 9 sào: vệ Cẩm y vệ Loan giá, hai dục Tả Hữu Vũ lâm, 5 doanh thần cơ, Tiên phong, Long võ, Hồ uy và Hùng nhuệ, doanh Kỳ võ, 15 vệ Thủy sư, 10 vệ thuộc các bảo, các vệ Kinh tượng, viện Thượng tứ, các đội Ngân sang, đội Kim sang, các đội Giáo dưỡng binh, viện Thượng trà, độc Thường thiện.

b. Nên cấp cho mỗi người: khẩu phần 7 phân, lương điền 8 sào: hai vệ Trung, Tiền Thủ hộ, các cơ, các đội Ngũ quân, cơ Thủy sư kiên chu, các đội Thượng chu, các vệ, các cơ, các đội thuộc các địa phương, vệ Giám thành, vệ Vọng thành, các dục Hùng sai.

c. Nên cấp cho mỗi người: khẩu phần 7 phân, lương điền 7 sào: thự Hoà - thanh, đội Tài - hoa, các đội Lý thiện, các binh trạm.

d. Cứ cấp như cũ cho mỗi người: khẩu phần 7 phân, không có lương điền đối với các đội thuộc các phủ đệ, thự Thanh bình, thuộc binh các nha trong Kinh và ngoài các tỉnh, các thuộc binh, các ngư hộ (17).

Vậy theo mức quân cấp lương điền trên, tạm tính trung bình mỗi người lính được 8 sào ruộng, không kể ruộng khẩu phần.

Theo những ghi chép trong *Đại Nam thực lục*, không có số liệu về dân số cả nước nhưng lại có sổ đình, ghi lại số đình của cả nước, của từng tỉnh trong một số năm. Theo đó, số đình ở Bình Định vào một số năm nửa đầu thế kỷ XIX như sau:

- Năm 1819 có 33.300 người (18)

- Năm 1829 có 39.965 người (19)

- Năm 1847 có 52.110 người (20)

Áp dụng phương pháp phân tích dãy năng động theo thời gian, kết hợp với các số liệu về dân đình của Bình Định tại ba thời điểm nêu trên, có thể ước tính được số đình của Bình Định vào năm 1839 là khoảng 45.865 người.

Trên cơ sở số dân đình của các tỉnh, triều đình lựa tuyển binh lính. Số lính được tuyển tính theo tỷ lệ dân đình của mỗi tỉnh “từ tỉnh Quảng Bình trở vào nam đến Bình Thuận, 3 dân đình kén lấy một (lính)” (21). Như vậy, số lính của Bình Định phải tuyển chiếm tỷ lệ 1/3 số đình, tức là khoảng 15.288 người. Theo số liệu của Souvignet thì vào năm 1839, Bình Định có 15.000 lính (22). Tuy tác giả không ghi xuất xứ nhưng hai con số trên không cách xa nhau lắm.

Kết hợp các nguồn tư liệu trên cho thấy, số lính của Bình Định vào thời điểm 1839 không ít hơn 15.000 người, số đình không ít hơn 45.000 người. Như vậy, phần ruộng dùng làm lương điền cho lính ít nhất là (8 sào x 15.000 người =) 12.000 mẫu ruộng. Số

ruộng này lấy từ tổng diện tích công điền khi đó là 40.000 mẫu ruộng. Vậy quỹ công điền của Bình Định chỉ còn (40.000mẫu - 12.000 mẫu =) 28.000 mẫu ruộng sau khi đã trừ phần lương điền cho lính. Phần ruộng còn lại này được chia thành khẩu phần cho quan lại, binh, thợ và các hạng dân theo thể lệ quân điền năm 1840.

Chúng ta không có số liệu chính xác về các hạng quan, dân, lính, thợ cũng như lão nhiều, phế tật, con cô, quả phụ... của Bình Định vào các năm 1839, 1840. Tuy nhiên, tham khảo thập dân số ở nước ta trong một số năm (23) cho thấy, theo qui luật chung thì số nam xấp xỉ nữ. Số đinh (tức là nam giới, tính từ 18 tuổi trở lên đến 55 tuổi) cũng xấp xỉ số nữ tuổi từ 18 đến 55. Ngoài ra, người già, phế tật, quả phụ, con cô ước tính khoảng 1/2 số đinh và tạm chia đều cho 2 loại:

- loại lão nhiều, đốc tật, phế tật
- loại con cô và đàn bà góa

Số quan lại văn võ ở Bình Định thì phần lớn là người ngoài tỉnh, số quan người Bình Định không có là bao.

Trên cơ sở những ước đoán này, chúng tôi thấy có thể tính như sau:

- Số quan lại, quân lính, thợ và các hạng dân (thực nạp, biệt nạp) làm nghĩa vụ cho Nhà nước = số đinh = 45.000 người, mỗi người được chia 1 khẩu phần. Vậy cần 45.000 khẩu phần

- Số lão nhiều, lão hạng, phế tật, đốc tật, mồ côi, góa phụ... ước tính bằng 1/2 dân đinh = 22.500 người, trong đó:

+ Lão nhiều, lão tật, phế tật chiếm khoảng 1/2 tức 11.250 người, mỗi người được 1/2 khẩu phần. Cả thấy cần (11.250 : 2 =) 5.625 khẩu phần

+ Con mồ côi, đàn bà góa cũng chiếm khoảng 1/2 tức 11.250 người, mỗi người được 1/3 khẩu phần. Cả thấy cần (11.250 : 3 =) 3.750 khẩu phần.

Vậy tổng số khẩu phần dự chia là (45.000 + 5.625 + 3.750 =) 54.375. Tính ra, mỗi khẩu phần được (28.000 : 54.375) $\approx$ 5 sào 2 thước ruộng (24).

Như vậy, dân đinh được 5 sào 2 thước; lão nhiều, phế tật được khoảng 2 sào 8 thước 5 phân (1/2 khẩu phần); cô nhi, quả phụ được khoảng 1 sào 13 thước (1/3 khẩu phần). Trong khi đó mỗi binh lính được nhận khoảng 1 mẫu 3 sào 2 thước (8 sào lương điền + 5 sào 2 thước khẩu phần), gấp hơn 2 lần khẩu phần của một dân đinh.

2. Quyền lợi do quân điền mang lại và hệ quả của nó ở Bình Định

Đối với các hạng quan lại, binh, dân ở Bình Định

Với thực trạng tình hình ruộng đất ở Bình Định và với cách chia ruộng công theo phép quân điền 1840 thì binh lính là có lợi nhất. Ngoài ra, đối với một số ít nông dân không có ruộng tư nay được chia hơn 5 sào ruộng công là một khoản lợi đáng kể. Tuy nhiên, đại bộ phận nông dân có mức sở hữu nhỏ, trên dưới 1 mẫu ruộng tư trước quân điền, nay theo phép quân điền phải sung công điền một nửa số ruộng của mình (tức là khoảng trên dưới 5 sào ruộng), rồi lại được chia hơn 5 sào ruộng công. Như vậy, tổng diện tích ruộng mà những người nông dân này cày cấy vẫn xấp xỉ 1 mẫu ruộng, nhưng trên thực tế, họ chỉ được sở hữu một nửa số ruộng đó, phần còn lại là ruộng công của làng xã. Bên cạnh đó, do nhận ruộng công làng xã nên dân đinh sẽ phải đóng thuế đinh và làm nhiều nghĩa vụ khác đối với Nhà nước vì nhận ruộng khẩu phần này.

Cách chia ruộng công như trên là nguyên tắc chung áp dụng cho các địa phương trên cả nước. Trong thực tế, việc chia công điền đã thực hiện như thế nào? Các lý hào, chức dịch của từng làng, thôn dựa trên cơ sở định mức, khẩu phần chuẩn do Nhà nước áp đặt mà đề ra nguyên tắc phân chia cụ thể cho làng, thôn của mình. Nói cách khác, quyền quyết định thửa ruộng nào cấp cho binh lính, thửa nào dành cho dân, cho người tàn tật, cô nhi, quả phụ... thực tế nằm trong tay tầng lớp chức sắc của làng.

Theo lời kể của các cụ già Bình Định, ở một số thôn/ấp, phần ruộng công có được sau khi chiết cấp từ tư điền để quân cấp cho quan lại, binh, dân được thực hiện theo cách bốc thăm. Cụ Trần Đình Vinh (71 tuổi, hiện sống ở thôn Châu Thành, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn) cho biết, khi xưa, cụ Trần Phương (bố cụ Vinh, thọ 73 tuổi, đã mất năm 1948, tức là cụ Phương sinh năm 1876) được cha kể lại cho nghe về việc “sau khi sung công chiết cấp tư điền xảy ra lộn xộn tranh giành ruộng đất hơn 1 năm”. Cụ Vinh kể rằng, các đám ruộng sau khi sung công được chia ra theo khẩu phần rồi cho bốc thăm. Cách bốc thăm như sau: mỗi khẩu phần là bao nhiêu được ghi cụ thể vào phiếu (thí dụ một phần gồm 1 sào Bà Vàng (1 sào ruộng thuộc đám ruộng mang tên Bà Vàng) và 1 sào Bờ Lê (1 sào ruộng thuộc đám ruộng có tên gọi nôm là Bờ Lê) sau đó cho phiếu vào hũ, dùng đũa để gắp. Các cụ còn gọi cách bốc thăm này là “gắp tối” vì phiếu thăm ở trong hũ tối. Như vậy, người bốc không thể lựa chọn phiếu thăm của mình mà chỉ hy vọng vào sự may rủi khi gắp. Cũng chính vì vậy, sau khi gắp thăm, có người bốc phải những mảnh ruộng mà các cụ gọi là “độc điền”, dù được chia cũng không dám cày cấy. “Gắp tối” khác với “gắp sáng” là phiếu thăm bày ra giữa ánh

sáng và mọi người được lựa chọn, do đó có thể xảy ra hiện tượng thông đồng làm dấu, thiếu công bằng.

Hay như lời kể của cụ Võ Chiêu (82 tuổi, hiện sống ở đội 15, xóm Tân Hòa, thôn An Ngãi, xã Nhân Hưng, huyện An Nhơn) thì việc chia ruộng công ở An Ngãi cũng dùng cách bốc thăm, gọi là “bất tối”. Theo cách này, các phiếu thăm được ghi tên đám ruộng cùng diện tích của đám đó và cả đẳng hạng của ruộng rồi bỏ vào hũ, dùng đũa gắp theo kiểu ăn may. Tuy nhiên, khi bốc thăm có ưu tiên cho những người giàu hoặc có phẩm hạng trong thôn được bốc trước.

Ở Bình Định, có các thôn đã đưa ra cách chia ruộng công bằng hình thức bốc thăm (như đã trình bày) là một cách chia tỏ ra khá công bằng, thế nhưng vẫn có kiện cáo, tranh giành ruộng đất kéo dài tới hơn một năm sau (như ở thôn Châu Thành). Tính ra hơn nửa năm (cuối năm 1839 đến tháng 6 năm 1840) sau khi thi hành quân điền ở Bình Định, Minh Mệnh đã ban hành phép quân điền đối với toàn bộ ruộng công trong cả nước, và cũng chỉ khoảng hơn nửa năm tiếp theo, sau khi áp dụng quân điền mới này, đến tháng 2 năm Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất (1841), ở Bình Định đã có hơn 300 lá đơn của dân khiếu kiện về việc ruộng đất ít nhiều, tốt xấu không đều nhau (25). Tổng đốc Bình Định bấy giờ là Đặng Văn Thiêm đề nghị chia lại ruộng lần nữa và phải chữa lại địa bạ nhưng Thiệu Trị cho rằng cần châm chước, không nên thay đổi tất cả, làm cho rối ren náo động phiên nhiều thêm lần nữa. Vì vậy, nhà vua đã cử hai quan khoa đạo là Đặng Quốc Lang và Mai Khắc Mẫn đến Bình Định xem xét sự việc cụ thể. Hai viên quan này đến nơi “đầu tiên trích ra những việc gì không thiệt hại gì lắm, phê bác đơn đi, còn thì đều lấy lời

hiếu bảo, tùy việc phân xử, dân mới thôi không tranh kiện nhau nữa” (26). Khi trở về Huế, hai ông được nhà vua khen là làm được gọn việc. Sau đó, việc kiện cáo của dân trong một thời gian không thấy ghi chép trong sử biên niên của triều Nguyễn.

Nhưng đến tháng 1 năm Nhâm Tý, Tự Đức năm thứ 5 (1852), những vụ lộn xộn lại bùng phát ở Bình Định. Theo lời tâu của Đặng Văn Thiêm “về ruộng công, những ruộng tốt màu thì kẻ hào cường chiếm cả; hoặc có thừa ra, thì hương lý lại bao chiếm, những hộ ở dưới chỉ được ruộng đất rấn xác màu” nên ông phải điều chỉnh lại ranh giới của các thửa ruộng công. Song dường như việc làm của Đặng Văn Thiêm cũng không đạt được kết quả bền vững. Bởi vì, ngay sau đó, tháng 2 năm 1852, khi hỏi Hà Duy Phiên về tình hình ruộng công và tư của các tỉnh, vua Tự Đức tỏ ra bi quan về kết quả của quân điền năm 1839 tại Bình Định và muốn trả lại hết ruộng tư đã tịch thu vào năm 1839 cho chủ cũ. Hà Duy Phiên đã ngăn cản nhà vua vì lý do “đã cấp cho quân, dân rồi, nếu vội lấy trả về, sợ quân dân mất cách sinh sống”. Vua Tự Đức đưa ra cách chia lại ruộng công và tư với tỷ lệ 4 và 6 (thay vì chia đều 5 và 5 như trước kia) nhưng vẫn bị Hà Duy Phiên thuyết phục rằng “thêm bớt không được mấy, lại sinh bận rộn về làm sổ sách” nên cuối cùng vua Tự Đức mới từ bỏ ý định của mình (27).

Đối với Nhà nước

Với việc thực hiện quân điền 1839, Minh Mệnh đã làm thay đổi cơ bản cơ cấu các loại hình sở hữu ruộng đất ở Bình Định, làm cho tỷ lệ ruộng công sau quân điền gia tăng đáng kể, chiếm tỷ lệ xấp xỉ ruộng tư trên bình diện chung toàn tỉnh cũng như trong từng thôn/ấp. Như vậy, quân điền 1839 của Minh Mệnh đã góp phần tăng

cường và mở rộng ruộng đất công của làng xã, củng cố quyền sở hữu tối cao của Nhà nước về ruộng đất.

Nhưng xét về khía cạnh kinh tế, việc quân điền ở Bình Định đã mang lại những lợi ích gì cho Nhà nước? Có lẽ không đáng kể bởi vì ở Bình Định cũng như đất Đàng Trong cũ, thuế ruộng công và ruộng tư ngang nhau nên có tăng thêm ruộng công thì thuế cũng không tăng lên được. Trong khi đó, thuế quan điền cao hơn công tư điền, nên khi chuyển quan điền thành công điền thì tổng thuế ruộng đất thu được thấp hơn trước. Tuy nhiên, thuế thân lại không như thế. Từ năm 1832, Minh Mệnh đã đổi định lệ thuế thân cho dân các hạt từ Quảng Bình trở vào Nam, không phân biệt khách hộ và chính hộ như trước mà tất cả đều gọi là tráng hạng. Theo lệ thuế này “các hạng quan, dân, cố, cùng đều làm tráng hạng. Tráng hạng có ruộng công thì mỗi năm nộp thuế 1 quan 4 tiền. Không có ruộng công, 1 quan 2 tiền. Tiền lỗi đầu mỗi hạng đều 1 tiền. Dân đình già ốm thu một nửa. Quan viên tử cũng như tráng hạng” (28). Như vậy, người nhận công điền cày cấy phải đóng thuế đình cao hơn người không cày ruộng công. Nay đem quân điền quân cấp cho mọi người thì tất nhiên số thuế đình thu được sẽ cao hơn “... nói về đại lược so ra thì thuế điền ít đi, thuế đình nhiều ra. Vì từ trước đến giờ, các tỉnh trở vào Nam, mức thuế công điền ngang bằng thuế ruộng tư, duy có thuế ruộng Nhà nước (quan điền) thì cao hơn thuế ruộng công. Nay ruộng Nhà nước đã chuyển làm ruộng công thì ngạch ruộng công tuy có tăng lên, nhưng số thuế thu nhập lại thấp đi. Dân xã sở tại trước kia thuế thân người có ruộng công cao hơn thuế người không có ruộng công; nay đã đem ruộng công quân cấp, thì dân trong

số ai cũng có ruộng, cho nên có giảm mất số thuế ruộng Nhà nước, nhưng số thuế dân đinh lại tăng lên” (29). Nhưng nguồn lợi này không phải là mong muốn của Minh Mệnh khi thực hiện quân điền ở Bình Định “phép quân điền là vốn muốn chia lợi cho dân chứ thuế hơn hay kém đi không phải là điều đáng so tính” (30). Và trên thực tế “ích cho nước không được mấy” (31) (như vua Tự Đức đã nhận xét năm 1852).

Như vậy, trên thực tế, cách chia ruộng công theo quân điền năm 1840 là có lợi nhất đối với binh lính của triều đình và một số ít những người dân nghèo không có ruộng tư. Còn lại, tất cả các chủ ruộng tư, đều bị thiệt do cách chia ruộng của quân điền 1840. Nhà nước cũng không được lợi bao nhiêu theo cách chia ruộng này.

Tư liệu thư tịch chỉ cho biết cơ cấu chung của các loại hình sở hữu ruộng đất của toàn Bình Định và chủ trương quân điền năm 1839 của Minh

Mệnh. Tư liệu địa bạ năm 1839 lập sau quân điền kết hợp với địa bạ năm 1815 và các nguồn tư liệu khác, đặc biệt là tư liệu khảo sát điền dã đã cho phép khôi phục lại phép quân điền 1839 một cách cụ thể hơn với hai nội dung chính chủ yếu là sung công ruộng tư và quân cấp ruộng công.

Những đánh giá về chính sách quân điền năm 1839 ở Bình Định cũng như nguồn gốc sâu xa của nó, lý do tại sao Minh Mệnh lại chọn chính Bình Định làm nơi thực thi chủ trương quân điền này, chúng tôi hy vọng sẽ được trình bày trong một bài viết khác.

CHÚ THÍCH

(14), (15). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập XXI. Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 260, 260.

(16). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập XXII, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1969, tr.160-161.

(17). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập XVIII, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1967, tr. 328-329.

(18). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập IV, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1963, tr. 396.

(19). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập IX, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1964, tr. 243.

(20). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập XXVI, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1971, tr. 286.

(21). *Đại Nam điển lệ toát yếu*, Nguyễn Sĩ Giác dịch, Đại học Luật khoa Sài Gòn xuất bản, Sài Gòn, 1962, tr. 445.

(22). R.P.Souvignet: *Aperçu historique sur le partage des rizières de Binh Dinh en rizières communes et en rizières particulières (Đại cương lịch sử việc phân chia ruộng ở tỉnh Bình Định thành ruộng công và ruộng tư)*, Revue Indochinoise (Tạp chí Đông Dương), 1900, số 87, tr. 596-598.

(23). Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương: *Tập bản đồ dân số Việt Nam*, Hà Nội, 1991, tr. 70.

- Tổng cục thống kê: *Phân tích kết quả điều tra mẫu*, Nxb. Tổng cục thống kê, Hà Nội, 1991, tr. 10-11.

- Tổng cục thống kê: *Niên giám thống kê năm 2000*, Hà Nội, 2001.

(24). Nếu sử dụng số liệu dân đinh của Bình Định theo cách tính của chúng tôi là 45.868 người và áp dụng cách tính số lính, số cô nhi, quả phụ, lão nhiều, đốc tật... như trên thì tổng số khẩu phần dự chi sẽ là 55.420 và mỗi khẩu phần được xấp xỉ 5 sào 1 thước ruộng. Sai lệch về mỗi khẩu phần chỉ có 1 thước ruộng, hoàn toàn không làm thay đổi những nhận xét nêu trong bài viết.

(25). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập XXIII, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1970, tr. 107.

(26). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập XXIII. Sđd, tr. 108.

(27), (31). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập XXVII. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1973, tr. 336, 336.

(28). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập XI, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1964, tr. 187.

(29), (30). *Đại Nam thực lục chính biên*. Sđd, tập XXI, tr. 260.